

KHẢ QUAN

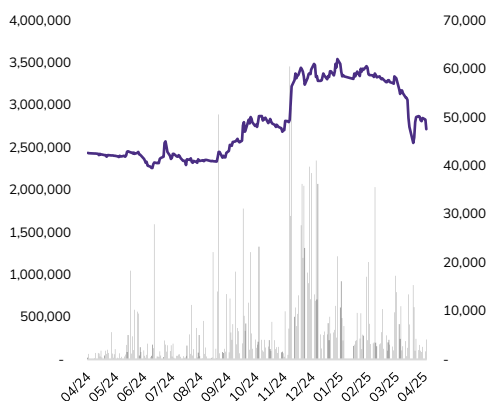
Kiều Thị Thanh Thư

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Dược phẩm
Ngày báo cáo	: 28/4/2025
Giá hiện tại (VND/CP)	: 48.100
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 54.500
Tỷ lệ tăng (%)	: 13,3%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 4.500
SLCPĐLH (CP)	: 93.553.762

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2023A	2024A
Tăng trưởng DTT (%)	6,2%	4,6%
Tăng trưởng LNST (%)	10,5%	2,3%
Biên LNG (%)	48,3%	48,2%
Biên LNST (%)	16,3%	15,9%
ROA (%)	13,9%	12,9%
ROE (%)	19,3%	17,8%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,06	0,04
EPS (VND/CP)	3.593	2.940
BVPS (VND/CP)	19.134	17.748

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Mục tiêu thận trọng, đẩy mạnh được phẩm tự sản xuất

Điểm chính của ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025

- KQKD năm 2024 tăng nhẹ svck.
 - Doanh thu thuần của DBD năm 2024 đạt 1.728 tỷ đồng (+4,6% svck).
 - Xét theo cơ cấu doanh thu, doanh thu dược phẩm do Công ty sản xuất là 1.663 tỷ (+5,4% svck); doanh thu dược phẩm mua ngoài đạt 35,7 tỷ đồng, tương đương năm 2023; doanh thu kinh doanh trang thiết bị y tế là 8 tỷ (-59% svck).
 - Xét theo kênh phân phối, doanh thu Kênh bệnh viện trong năm 2024 đạt 1.063 tỷ (+9% svck); doanh thu Kênh nhà thuốc trong năm 2024 đạt 631 tỷ (+1% svck), sự tăng trưởng chậm này vì hoạt động phát triển khách hàng Kênh OTC ngày càng khó khăn với sự phát triển của các chuỗi nhà thuốc và ảnh hưởng của các chính sách về thuế và pháp lý đối với cơ sở bán lẻ.
 - Lợi nhuận gộp đạt 832,6 tỷ đồng (+4,3% svck). Biên LNG giảm nhẹ 0,1 điểm %, từ 48,3% năm 2023 xuống còn 48,2% năm 2024. Giá vốn hàng bán tăng khoảng 5% so với năm 2023, nguyên nhân chủ yếu đến từ việc tăng chi phí nhân công.
 - Lợi nhuận sau thuế đạt 275,2 tỷ đồng (+2,3% svck). Đây là năm thứ 5 liên tiếp doanh nghiệp tăng trưởng LNST. Với kết quả này, công ty đã hoàn thành 91% kế hoạch doanh thu và 102% kế hoạch lợi nhuận năm 2024.
- Các dự án thực hiện trong năm 2024:
 - Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ: dự án đang trong quá trình xây dựng và mua sắm, lắp đặt thiết bị, dự kiến hoàn thành trong năm 2026-2027.
 - Nhà máy sản xuất Thuốc điều trị ung thư: (i) Dây chuyền thuốc tiêm: đã đạt chứng nhận GMP-WHO, đang trong quá trình nâng cấp Dây chuyền để đạt tiêu chuẩn GMP-EU, dự kiến hoàn thành trong năm 2028-2029; (ii) Dây chuyền thuốc viên: Đã đạt chứng nhận GMP-WHO, đang trong quá trình nộp Hồ sơ đăng ký cho các sản phẩm sản xuất trên dây chuyền này, năm 2024 đã nộp 04 hồ sơ và sẽ tiếp tục thực hiện trong các năm tiếp theo.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DBD Q4/2024 & NĂM 2024

BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ VND)	4Q23	4Q24	%YoY	2023	2024	%YoY
Doanh thu thuần	444	478	7,5%	1.652	1.728	4,6%
Lợi nhuận gộp	202	216	7,0%	799	833	4,3%
<i>Biên lợi nhuận gộp (%)</i>	<i>45,5%</i>	<i>45,3%</i>		<i>48,3%</i>	<i>48,2%</i>	
Chi phí BH & QLDN	-146	-156	7,2%	-502	-527	5,1%
<i>Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT</i>	<i>32,8%</i>	<i>32,7%</i>		<i>30,4%</i>	<i>30,5%</i>	
Doanh thu tài chính	4	5	16,2%	14	13	-6,2%
Chi phí tài chính	-4	-4	-3,4%	-18	-17	-5,4%
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>-1</i>	<i>-1</i>	<i>-22,1%</i>	<i>-7</i>	<i>-4</i>	<i>-42,0%</i>
Lợi nhuận từ HĐKD	68	74	10,0%	322	329	2,2%
Lợi nhuận trước thuế	68	71	4,8%	320	325,1	1,6%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	59	61	2,9%	269	275,2	2,3%
<i>Biên lợi nhuận ròng (%)</i>	<i>13,3%</i>	<i>12,7%</i>		<i>16,3%</i>	<i>15,9%</i>	

Nguồn: FiinPro, ABS Research

• Tình hình tài chính cuối năm 2024:

- ✓ **Tiền và tương đương tiền tương đối dồi dào.** Tiền và tương đương tiền cuối năm 2024 đạt 438,6 tỷ đồng (+41,9% so với đầu năm), chiếm 19,4% tổng tài sản.
- ✓ **Các khoản phải thu tăng.** Các khoản phải thu ghi nhận 520,2 tỷ đồng (+15% svck), chiếm 23% tổng tài sản.
- ✓ **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho tăng mạnh.** Giá trị HTK cuối năm 2024 ghi nhận 532,3 tỷ đồng (+6,8% so với đầu năm), trong khi đó dự phòng giảm giá HTK tăng 156,5% so với đầu năm, ở mức 27 tỷ đồng.
- ✓ **Đòn bẩy tài chính ở ngưỡng thấp và rất an toàn.** Nợ vay cuối năm 2024 giảm còn 63,9 tỷ đồng (-19,4% so với đầu năm). Tỷ lệ D/E giảm từ 0,06 lần xuống còn 0,04 lần, ở mức rất thấp và an toàn.

• KQKD Q1/2025:

- ✓ Doanh thu thuần đạt 441 tỷ đồng (+14,9% svck). Trong đó doanh thu dược phẩm sản xuất đạt 428,3 tỷ đồng (+14,9% svck), doanh thu dược phẩm mua ngoài đạt 9,2 tỷ đồng (+53,3% svck).
- ✓ Lợi nhuận gộp đạt 228,2 tỷ đồng (+21,1% svck). Biên lợi nhuận gộp tăng 2,6 điểm %, lên 51,7% do doanh thu dược phẩm sản xuất với biên lợi nhuận tốt tăng cao hơn các mảng khác.
- ✓ Doanh thu hoạt động tài chính tăng 39,8% svck lên 4,2 tỷ đồng do tiền lãi cho vay tăng, trong khi đó chi phí tài chính giảm nhẹ 7,9% svck.
- ✓ Chi phí bán hàng tương đương cùng kỳ. Chi phí QLDN tăng mạnh 86,9% svck, lên 47,11 tỷ đồng do chi phí nhân viên Q1/2025 gấp gần 3,5 lần cùng kỳ, ở mức 37,5 tỷ đồng.
- ✓ LNST cổ đông công ty mẹ đạt 81 tỷ đồng (+20,6% svck).

• Một số nội dung trao đổi tại Đại hội:

- ✓ Hoạt động xuất khẩu của Công ty: Doanh thu xuất khẩu năm 2024 là gần 21 tỷ đồng, chủ yếu là thuốc kháng viêm, kháng sinh. Hoạt động xuất khẩu còn hạn chế do năng lực hạn chế và tiêu chuẩn sản phẩm của Bidiphar mới đạt GMO-WHO và phải cạnh tranh với thuốc của Ấn Độ và Trung Quốc. Công ty không có kế hoạch đẩy mạnh mảng xuất khẩu.
- ✓ Thị phần thuốc điều trị ung thư và dịch thận: so với các doanh nghiệp dược sản xuất trong nước, thị phần thuốc điều trị ung thư của Bidiphar đang đứng đầu trên toàn quốc, thị phần dịch thận đang đứng thứ hai trên toàn quốc.
- ✓ Kênh OTC của Bidiphar: tăng trưởng chung của thị trường là 8%, trong đó chuỗi nhà thuốc tăng trưởng 27% và kênh phân phối lẻ tăng trưởng âm. Khách hàng chính của Bidiphar là các nhà phân phối truyền thống. Định hướng thời gian

tới là đa dạng hóa kênh phân phối tuy nhiên chuỗi nhà thuốc yêu cầu tỷ lệ chiết khấu cao mà công ty không chấp nhận được.

- ✓ Xu hướng giá nguyên vật liệu API trong năm 2025: nếu xảy ra chiến tranh thương mại thì chuỗi cung ứng có thể bị đứt gãy, giá nguyên vật liệu sẽ biến động và mất nhiều thời gian hơn để nhập khẩu nguyên liệu, nếu giá trị của đồng Việt Nam giảm sẽ khiến giá đầu vào nhập khẩu tăng cao.
- ✓ Nguyên nhân chậm tiến độ nâng cấp nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP-EU: phần mềm bị sai sót trong quá trình thẩm định và bảo toàn dữ liệu nên phải khắc phục và làm lại. Khi hoàn thành việc nâng cấp và đạt chứng nhận sẽ giúp sản phẩm được tham gia đấu thầu nhóm thuốc 1 và 2 tại kênh bệnh viện, giúp tăng doanh thu.
- ✓ Thuốc viên điều trị ung thư: dự kiến toàn bộ sản phẩm thuốc viên điều trị ung thư sẽ được cấp số đăng ký trong năm 2025. Thời gian hoàn thành thủ tục xin cấp số đăng ký lưu hành thuốc sẽ kéo dài hơn do thuốc được sản xuất theo tiêu chuẩn GMP, dự kiến trong Q3/2025 sẽ có kết quả và thời gian tùy thuộc vào việc thẩm định của Cục Quản lý Dược. Theo thông tin từ ban lãnh đạo tại hội thảo nhà đầu tư năm 2023, dự kiến khi đưa vào sản xuất, thuốc ung thư dạng viên có thể đóng góp khoảng 300 tỷ đồng vào doanh thu,
- ✓ Dự án hợp tác với Crearene AG (Thụy Sĩ) phát triển các giải pháp điều trị bằng creatine cho bệnh nhân chạy thận: tạm thời dừng lại do đối tác thay đổi CEO.

• **Kế hoạch năm 2025:**

- ✓ Kế hoạch SXKD năm 2025: doanh thu thuần 2.000 tỷ đồng (+10,1% svck), lợi nhuận trước thuế 335 tỷ đồng (+3,07% svck).
- ✓ Phương án phân phối cổ tức năm 2024: chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỉ lệ 20% mệnh giá, tương đương 2.000 đồng/cp. Theo lãnh đạo công ty, doanh nghiệp mong muốn chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhằm giữ lại tiền để phục vụ đầu tư nhưng tương tự năm 2021 và 2023. ĐHĐCĐ biểu quyết lựa chọn chi trả cổ tức bằng tiền, đồng nghĩa với việc doanh nghiệp cạn kiệt tiền mặt để đầu tư.
- ✓ Phương án phân phối cổ tức năm 2025: chi trả cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu với tỷ lệ tối thiểu 20% mệnh giá.
- ✓ Kế hoạch đầu tư nhà máy, văn phòng năm 2025:

STT	Hạng mục đầu tư	Đã ký hợp đồng năm 2024 (triệu đồng)	Kế hoạch ký hợp đồng năm 2025 (triệu đồng)	Dự kiến giải ngân trong năm 2025 (triệu đồng)
1	Dự án Nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ	278.735	424.986	570.435
2	Tòa nhà Văn phòng 34 Ngô Mây	120	56.980	45.000
3	Xây phòng ở cho nhân viên Biomed		300	300
4	Văn phòng CN Đà Nẵng	225	6.761	6.761

Nguồn: DBD, ABS Research

- ✓ Kế hoạch chào bán cổ phiếu riêng lẻ - doanh nghiệp đã lên kế hoạch chào bán cổ phiếu riêng lẻ từ năm 2023 nhưng hiện vẫn chưa tìm được nhà đầu tư phù hợp. Năm 2025, DBD tiếp tục nỗ lực thực hiện kế hoạch này nhằm huy động vốn cho mở rộng sản xuất kinh doanh:
 - Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 23.300.000 cổ phiếu.
 - Giá chào bán: do HĐQT theo thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư nhưng không thấp hơn 50.000 đồng/cp.
 - Mục đích phát hành: bổ sung nguồn vốn đầu tư của Công ty để thực hiện hoạt động đầu tư cho 2 dự án: (i) dự án nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ, và (ii) dự án nhà máy OSD Non-Betalactam.
 - Số lượng nhà đầu tư: tối đa 05 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
 - Thời gian dự kiến phát hành: trong năm 2025-2026 sau khi được UBCKNN chấp thuận.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025 CỦA DBD

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	%YOY
Tổng doanh thu	1.817	2.000	10,1%
Lợi nhuận trước thuế	325	335	3,07%

Nguồn: DBD, ABS Research

Đánh giá của ABS Research

- Chúng tôi cho rằng tình hình kinh doanh năm 2025 của DBD sẽ khả quan do nhu cầu đối với dược phẩm của người dân tăng theo tăng trưởng kinh tế và thu nhập và DBD đẩy mạnh dược phẩm tự sản xuất để cải thiện lợi nhuận:
 - ✓ Dân số và nhu cầu chăm sóc sức khỏe tăng cao: Với dân số trên 100 triệu người và tốc độ già hóa nhanh, nhu cầu sử dụng dược phẩm ngày càng tăng, tạo điều kiện cho ngành phát triển.
 - ✓ Chính sách hỗ trợ từ Chính phủ: Chiến lược quốc gia phát triển ngành dược Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 đặt mục tiêu tăng cường tự chủ, làm chủ công nghệ và đưa Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất dược phẩm giá trị cao trong khu vực.
 - ✓ Hiệp định thương mại tự do (FTA): Các FTA thế hệ mới như EVFTA giúp doanh nghiệp dược phẩm mở rộng thị trường xuất khẩu, tiếp cận công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao, hướng tới sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế như EU-GMP.
- Theo kế hoạch của DBD, tổng doanh thu năm 2025 là 2.000 tỷ đồng, LNTT là 335 tỷ đồng. Theo KQKD Q1/2025 của DBD, LNTT đạt 95,6 tỷ đồng, đạt 28,5% kế hoạch. Chúng tôi cho rằng KHKD của DBD là thận trọng, lợi nhuận của DBD có khả năng tăng trưởng tốt hơn do doanh nghiệp đẩy mạnh dược phẩm tự sản xuất. Chúng tôi ước tính LNTT của DBD đạt 380 tỷ đồng, LNST của DBD đạt 321 tỷ đồng. EPS của công ty trong năm 2025 là 3.431 đồng/cổ phiếu, P/E 2025F ở mức 14,0x lần tại mức giá hiện tại. BVPS năm 2025 dự kiến đạt 19.179 đồng/cổ phiếu, P/B 2025F ở mức 2,5x lần tại mức giá hiện tại.
- Giá khuyến nghị cũ của ABS cho DBD ở mức 59.900 đ/cp, cổ phiếu DBD đã đạt mức giá khuyến nghị này vào tháng 1/2025. Do những biến động gần đây của thị trường và cân nhắc tình hình hiện tại của doanh nghiệp: tiến độ nâng cấp nhà máy lên tiêu chuẩn GMP-EU, thủ tục xin cấp số đăng ký lưu hành thuốc viên điều trị ung thư, việc hợp tác với Crearene AG (Thụy Sĩ) chậm hơn dự kiến của chúng tôi, chúng tôi hạ giá mục tiêu của DBD xuống còn 54.500 đồng/cp, tương ứng tiềm năng tăng giá 13,3% so với giá hiện tại. và chuyển khuyến nghị từ **TRUNG LẬP** sang **KHẢ QUAN**.

PHỤ LỤC MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA DBD

Báo cáo KQ HKKD (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	1.559	1.555	1.652	1.728
Giá vốn hàng bán	(936)	(787)	(853)	(895)
Lợi nhuận gộp	623	768	799	833
Doanh thu tài chính	6	13	14	13
Chi phí tài chính	(9)	(12)	(18)	(17)
Chi phí bán hàng	(278)	(357)	(376)	(404)
Chi phí QLDN	(127)	(137)	(126)	(123)
Lợi nhuận từ HKKD	231	299	322	329
Lãi/lỗ khác	(0)	(1,0)	(2,7)	(5,0)
Lợi nhuận trước thuế	232	299	320	325
Lợi nhuận sau thuế	189	244	269	275
LNST cổ đông Công ty mẹ	189	244	269	275

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
LCT thuần từ HKKD	118	165	294	265
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(95)	(158)	(115)	(23)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	(62)	(21)	(146)	(15)
LCT thuần trong kỳ	(39)	(14)	32	226
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	109	69	56	88
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	69	56	88	314

Chỉ số tài chính	2021	2022	2023	2024
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	3,30	3,08	3,02	3,21
Khả năng thanh toán nhanh	1,91	1,39	1,29	1,81
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,24	0,14	0,21	0,68
Khả năng thanh toán lãi vay	163,93	142,69	42,44	75,30
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,73	0,71	0,72	0,73
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,27	0,29	0,28	0,27
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,09	0,06	0,06	0,04
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	106,48	122,72	115,82	106,09
Số ngày phải trả	38,89	60,34	61,78	58,36
Số ngày tồn kho	91,45	163,32	202,92	210,18
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	39,9%	49,4%	48,3%	48,2%
Tỷ suất lợi nhuận HKKD	14,8%	19,2%	19,5%	19,0%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	12,1%	15,7%	16,3%	15,9%
ROE	17,8%	19,5%	19,3%	17,8%
ROA	12,6%	14,1%	13,9%	12,9%
ROIC	16,6%	17,5%	17,8%	18,2%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	69	56	88	314
+ Đầu tư ngắn hạn	139	221	221	124
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	479	510	452	520
+ Hàng tồn kho	254	450	488	505
+ Tài sản ngắn hạn khác	7	11	12	12
Tài sản ngắn hạn	948	1.248	1.261	1.476
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản cố định	247	357	357	338
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	184	97	163	233
+ Đầu tư dài hạn	140	155	164	164
+ Tài sản dài hạn khác	40	39	45	53
Tài sản dài hạn	611	648	728	788

Tổng Tài sản	1.560	1.896	1.989	2.264
+ Vay ngắn hạn	21	16	35	36
+ Phải trả người bán	97	163	125	161
+ Nợ ngắn hạn khác	169	226	257	263
Nợ ngắn hạn	287	405	418	460
+ Vay dài hạn	76	60	44	28
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	56	75	94	115
Nợ dài hạn	132	135	138	143
Tổng nợ phải trả	419	541	556	603
+ Vốn cổ phần	576	749	749	936
+ Thặng dư vốn cổ phần	21	21	21	21
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	416	427	478	497
+ Quỹ khác	9	6	4	2
Vốn chủ sở hữu	1.141	1.355	1.433	1.661
Tổng cộng nguồn vốn	1.560	1.896	1.989	2.264

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2021	2022	2023	2024
Tăng trưởng doanh thu	24,0%	-0,2%	6,2%	4,6%
Tăng trưởng LNNT	20,3%	28,4%	7,2%	1,6%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	19,8%	28,8%	10,5%	2,3%
Tăng trưởng EPS	-2,0%	10,1%	10,5%	-18,2%
Tăng trưởng VCSH	10,0%	30,0%	0,0%	25,0%
Tăng trưởng Tổng tài sản	8,5%	21,6%	4,9%	13,8%

Định giá (lần)	2021	2022	2023	2024
P/E	13,52	16,45	16,34	16,16
P/B	2,02	2,96	3,08	2,68
EV/EBITDA	9,11	12,78	12,79	11,86
EV/Sales	1,49	2,59	2,66	2,43
EPS (đồng/cp)	2.954	3.252	3.593	2.940
BVPS (đồng/cp)	19.797	18.097	19.077	17.723

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường - Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây